

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**

---

**Tháng 08 năm 2022**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 37

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **KHÁI QUÁT CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994 và thay đổi lần thứ 14 vào ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính tại số 41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê; Kinh doanh ăn uống và vũ trường; Thu đổi ngoại tệ cho khách; Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế; Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn; Vận chuyển khách du lịch; Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh Karaoke; Dịch vụ xoa bóp, xông hơi; Mua bán rượu; Dịch vụ giặt, ủi, hấp.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Chung Hán Lương	Thành viên
Ông Nguyễn Đường Giang	Thành viên
Bà Tạ Thị Tuyết Mai	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Khang Vy	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Kim Loan	Thành viên

#### **Ban Giám Đốc**

Bà Nguyễn Thị Xuân Đào	Giám đốc
Bà Phan Ngọc Bích	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Đào.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

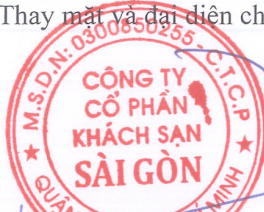
Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



*Nhân*  
Nguyễn Thị Xuân Đào  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Số: 050/2022/UHYHCM-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/08/2022, trình bày từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022, số dư nợ phải thu khó đòi Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí Một Con Kiến (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí MCK, sau đây viết tắt là Công ty MCK) liên quan đến tiền thuê mặt bằng là 927.218.166 đồng, đã được trích lập dự phòng là 177.218.166 đồng (sau khi trừ tiền ký quỹ là 750.000.000 đồng). Năm 2015, Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã khởi kiện Công ty MCK liên quan đến tranh chấp thu hồi tiền thuê mặt bằng nêu trên. Theo Bản án số 129/2020/KDTM-ST ngày 17/09/2020 của Tòa án Nhân dân Quận 1, TP.HCM về việc tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng, buộc bị đơn Công ty MCK thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn số tiền 1.559.611.543 đồng, trong đó bao gồm tiền thuê nhà là 1.452.797.500 đồng, tiền phạt vi phạm thanh toán là 121.523.000 đồng và tiền điện nước là 17.514.793 đồng, trừ đi 32.223.750 đồng đã thanh toán. Tại ngày 01/04/2021 Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Cục Thi hành án Dân sự Quận 7 đã ban hành quyết định thi hành án số 1011/QĐ-CCTHADS về việc buộc Công ty MCK thanh toán cho Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn số tiền 1.559.611.543 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty MCK chưa có bất kỳ động thái nào liên quan đến việc hoàn trả số tiền nêu trên. Do không chắc chắn thu được các khoản công nợ này, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh những ảnh hưởng của bản án nêu trên đến số liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận soát xét đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>155.923.200.348</b>	<b>150.705.461.973</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.629.421.351	730.957.208
Tiền	111		4.129.421.351	730.957.208
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>145.714.160.000</b>	<b>145.214.160.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		3.714.160.000	3.714.160.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		142.000.000.000	141.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.424.986.963</b>	<b>3.628.243.267</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.244.309.627	2.484.412.600
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.335.000	93.310.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.659.234.250	1.554.426.715
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(557.891.914)	(503.906.548)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>298.597.048</b>	<b>289.537.607</b>
Hàng tồn kho	141		298.597.048	289.537.607
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>856.034.986</b>	<b>842.563.891</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	110.640.412	87.139.728
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	745.394.574	755.424.163
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.727.308.042</b>	<b>34.096.662.339</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	927.218.166	927.218.166
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(177.218.166)	(177.218.166)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.592.695.865</b>	<b>33.039.516.715</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	31.573.729.198	32.997.790.047
- Nguyên giá	222		84.337.080.833	84.337.080.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.763.351.635)	(51.339.290.786)
Tài sản cố định vô hình	227	12	18.966.667	41.726.668
- Nguyên giá	228		376.500.000	376.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(357.533.333)	(334.773.332)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>384.612.177</b>	<b>307.145.624</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	384.612.177	307.145.624
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>188.650.508.390</b>	<b>184.802.124.312</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.136.952.063</b>	<b>14.541.656.858</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.686.952.063</b>	<b>12.280.656.858</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	332.085.926	138.526.956
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		102.255.403	94.005.603
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	759.557.410	94.324.673
Phải trả người lao động	314		1.553.485.765	1.400.989.799
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	9.299.904.000	8.452.704.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.002.728.999	1.077.972.127
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		636.934.560	1.022.133.700
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.450.000.000</b>	<b>2.261.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	2.450.000.000	2.261.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>172.513.556.327</b>	<b>170.260.467.454</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>172.513.556.327</b>	<b>170.260.467.454</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.641.000.000	123.641.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.641.000.000	123.641.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(302.784.117)	(302.784.117)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.303.364.068	3.303.364.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.003.801.421	41.750.712.548
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		41.750.712.548	37.324.973.429
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.253.088.873	4.425.739.119
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>188.650.508.390</b>	<b>184.802.124.312</b>



Nguyễn Thị Xuân Đào  
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hòa  
Kế toán trưởng

Dương Bối Minh  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>9.482.578.167</b>	<b>6.204.153.904</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>9.482.578.167</b>	<b>6.204.153.904</b>
Giá vốn hàng bán	11	20	7.837.559.283	7.737.158.523
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.645.018.884</b>	<b>(1.533.004.619)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.376.746.231	4.280.289.427
Chi phí tài chính	22		990.778	2.089.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.147.504.220	2.529.771.006
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.873.270.117</b>	<b>215.424.520</b>
Thu nhập khác	31	23	14.033.983	37.438.313
Chi phí khác	32	24	53.566.181	73.423.540
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(39.532.198)</b>	<b>(35.985.227)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.833.737.919</b>	<b>179.439.293</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	580.649.046	51.147.238
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.253.088.873</b>	<b>128.292.055</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	139	(32)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	139	(32)



Nguyễn Thị Xuân Đào  
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hòa  
Kế toán trưởng

Dương Bối Minh  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	2.833.737.919	179.439.293
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.446.820.850	1.462.128.498
Các khoản dự phòng	03	53.985.366	(107.909.695)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.122.636)	26.708
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.373.950.384)	(4.279.597.861)
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>(41.528.885)</b>	<b>(2.745.913.057)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(857.391.938)	972.131.491
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(9.059.441)	17.270.046
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	1.568.917.285	1.464.962.279
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(100.967.237)	(74.739.905)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(169.071.986)	(61.497.373)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.900.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(394.099.140)	(726.268.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>5.698.658</b>	<b>(1.154.055.019)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(110.592.000)
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(142.000.000.000)	(133.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	141.500.000.000	129.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.390.642.849	4.334.640.323
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>3.890.642.849</b>	<b>224.048.323</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>-</b>


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.896.341.507	(930.006.696)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 5	730.957.208	3.094.705.443
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.122.636	(26.708)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	<u>4.629.421.351</u>	<u>2.164.672.039</u>



Nguyễn Thị Xuân Đào  
Giám đốc

  
Nguyễn Thị Thanh Hòa  
Kế toán trưởng

  
Dương Bội Minh  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994 và thay đổi lần thứ 14 vào ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.641.000.000 đồng, chia thành 12.364.100 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

Ngày 12/07/2001, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, số lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh cũng như các chính sách thu hút khách du lịch của Nhà nước và các chính sách khuyến mãi về giá phòng của Công ty sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét.

**2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh 7.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại số dư cuối kỳ của tài sản tiền tệ có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Chứng khoán kinh doanh (tiếp)*

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian khấu hao của tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý khách sạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian sử dụng ước tính là 05 năm.

**4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 48 tháng.

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

**4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**4.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	199.782.000	60.543.000
Tiền gửi ngân hàng	3.927.723.822	670.414.208
Tiền đang chuyển	1.915.529	-
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.629.421.351</b>	<b>730.957.208</b>

(\*) Là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất 3,6%/năm.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán kinh doanh	3.714.160.000	19.026.772.800	3.714.160.000	30.918.505.800
Cổ phiếu NH TMCP Phương Đông (1)	3.714.160.000	19.026.772.800	3.714.160.000	30.918.505.800
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>142.000.000.000</b>	<b>142.000.000.000</b>	<b>141.500.000.000</b>	<b>141.500.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (2)	142.000.000.000	142.000.000.000	141.500.000.000	141.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>145.714.160.000</b>	<b>161.026.772.800</b>	<b>145.214.160.000</b>	<b>172.418.505.800</b>

(1) Tại ngày 30/06/2022, Công ty nắm giữ tổng số lượng cổ phiếu là 1.132.546 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 0,08%. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 30/06/2022.

(2) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất 6,0% - 6,35%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.244.309.627</b>	<b>(557.891.914)</b>	<b>2.484.412.600</b>	<b>(503.906.548)</b>
- Công ty TNHH MTV Đa Niêm Tin	1.640.000.000	(557.891.914)	1.640.000.000	(503.906.548)
- Công ty TNHH Kiến Phúc và Cộng sự	515.262.524	-	236.439.757	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Circo	231.940.685	-	301.693.823	-
- Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico VN	161.174.500	-	13.453.500	-
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	695.931.918	-	292.825.520	-
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>927.218.166</b>	<b>(177.218.166)</b>	<b>927.218.166</b>	<b>(177.218.166)</b>
- Công ty Cổ phần DV TM Giải trí Một Con Kiến (*)	927.218.166	(177.218.166)	927.218.166	(177.218.166)
<b>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	-	500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.171.527.793</b>	<b>(735.110.080)</b>	<b>3.411.630.766</b>	<b>(681.124.714)</b>

(\*) Tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022, số dư nợ phải thu khó đòi Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí Một Con Kiến (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí MCK, sau đây viết tắt là Công ty MCK) liên quan đến tiền thuê mặt bằng là 927.218.166 đồng, đã được trích lập dự phòng là 177.218.166 đồng (sau khi trừ tiền ký quỹ là 750.000.000 đồng). Năm 2015, Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã khởi kiện Công ty MCK liên quan đến tranh chấp thu hồi tiền thuê mặt bằng nêu trên. Theo Bản án số 129/2020/KDTM-ST ngày 17/09/2020 của Tòa án Nhân dân Quận 1, TP.HCM về việc tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng, buộc bị đơn Công ty MCK thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn số tiền 1.559.611.543 đồng, trong đó bao gồm tiền thuê nhà là 1.452.797.500 đồng, tiền phạt vi phạm thanh toán là 121.523.000 đồng và tiền điện nước là 17.514.793 đồng, trừ đi 32.223.750 đồng đã thanh toán. Tại ngày 01/04/2021 Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – Cục Thi hành án Dân sự Quận 7 đã ban hành quyết định thi hành án số 1011/QĐ-CCTHADS về việc buộc Công ty MCK thanh toán cho Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn số tiền 1.559.611.543 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty MCK chưa có bất kỳ động thái nào liên quan đến việc hoàn trả số tiền nêu trên. Do không chắc chắn thu được các khoản công nợ này, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh những ảnh hưởng của bản án nêu trên đến số liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.659.234.250</b>	<b>-</b>	<b>1.554.426.715</b>	<b>-</b>
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.488.734.250	-	1.505.426.715	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	49.000.000	-	49.000.000	-
- Tạm ứng	22.500.000	-	-	-
- Thù lao Hội đồng Quản trị	99.000.000	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.659.234.250</b>	<b>-</b>	<b>1.554.426.715</b>	<b>-</b>

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	277.432.320	-	277.612.879	-
Công cụ dụng cụ	21.164.728	-	11.924.728	-
<b>Cộng</b>	<b>298.597.048</b>	<b>-</b>	<b>289.537.607</b>	<b>-</b>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>110.640.412</b>	<b>87.139.728</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ	22.539.745	26.893.836
- Chi phí chờ phân bổ khác	88.100.667	60.245.892
<b>Dài hạn</b>	<b>384.612.177</b>	<b>307.145.624</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ	265.467.960	251.809.874
- Chi phí sửa chữa	71.938.011	4.250.000
- Chi phí chờ phân bổ khác	47.206.206	51.085.750
<b>Cộng</b>	<b>495.252.589</b>	<b>394.285.352</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

Tại 01/01/2022

Tại 30/06/2022

**HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại 01/01/2022

- Khấu hao trong kỳ

- Khấu hao TSCĐ hữu hình chờ thanh lý

Tại 30/06/2022

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2022

Tại 30/06/2022

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
	70.790.425.839	11.161.007.549	2.385.647.445	84.337.080.833
	70.790.425.839	11.161.007.549	2.385.647.445	84.337.080.833
	(41.248.456.732)	(8.054.250.058)	(2.036.583.996)	(51.339.290.786)
	(891.892.062)	(457.362.608)	(24.913.997)	(1.374.168.667)
			(49.892.182)	(49.892.182)
	(42.140.348.794)	(8.511.612.666)	(2.111.390.175)	(52.763.351.635)
	29.541.969.107	3.106.757.491	349.063.449	32.997.790.047
	28.650.077.045	2.649.394.883	274.257.270	31.573.729.198

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 31.084.015.222 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 30/06/2022 là 997.843.636 đồng.

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý khách sạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian sử dụng ước tính là 05 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>332.085.926</b>	<b>332.085.926</b>	<b>138.526.956</b>	<b>138.526.956</b>
- Công ty Cổ Phần Giặt ủi Việt	33.435.355	33.435.355	-	-
- Nguyễn Thị Sáng - Sạp 1187 Chợ Bến Thành	31.775.500	31.775.500	15.157.000	15.157.000
- Cửa hàng Sơn dầu Thu Khanh	-	-	19.310.000	19.310.000
- Công ty TNHH XD TM Môi trường Dương Long	-	-	22.140.000	22.140.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	266.875.071	266.875.071	81.919.956	81.919.956
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	556.499.905	299.780.356	256.719.549
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.776.986	580.649.046	169.071.986	501.354.046
- Thuế thu nhập cá nhân	4.360.541	166.411.892	170.772.433	-
- Các loại thuế khác	187.146	2.934.542	1.637.873	1.483.815
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>94.324.673</b>	<b>1.309.495.385</b>	<b>644.262.648</b>	<b>759.557.410</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	58.422.336	58.422.336	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.407.308	-	-	3.407.308
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	35.847.467	35.847.467
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	564.000.000	-	12.545.280	576.545.280
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	129.594.519	-	-	129.594.519
<b>Cộng</b>	<b>755.424.163</b>	<b>58.422.336</b>	<b>48.392.747</b>	<b>745.394.574</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.299.904.000</b>	<b>8.452.704.000</b>
- Trích trước tiền thuê đất	9.232.704.000	8.392.704.000
- Trích trước tiền trang phục	34.200.000	-
- Trích trước chi phí khác	33.000.000	60.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>9.299.904.000</b>	<b>8.452.704.000</b>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.002.728.999</b>	<b>1.077.972.127</b>
- Kinh phí công đoàn	143.539.197	160.948.457
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	800.000.000	800.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.189.802	117.023.670
+ <i>Kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS</i>	-	74.000.000
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	18.934.000	18.934.000
+ <i>Phải trả hoa hồng môi giới</i>	10.995.802	8.642.670
+ <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	29.260.000	15.447.000
<b>Dài hạn</b>	<b>2.450.000.000</b>	<b>2.261.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.450.000.000	2.261.000.000
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.452.728.999</b>	<b>3.338.972.127</b>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH MTV	38,86%	48.041.000.000	38,86%	48.041.000.000
Ông Lý Thanh Hùng	0,00%	-	0,93%	1.148.700.000
Ông Phạm Ái Quốc	17,47%	21.605.500.000	17,47%	21.605.500.000
Công ty Cổ phần Bông Sen	8,93%	11.040.400.000	8,93%	11.040.400.000
Công ty Cổ phần An Phú	19,34%	23.912.970.000	17,83%	22.050.000.000
Các cổ đông khác	8,34%	10.312.080.000	15,98%	19.755.400.000
<b>Cộng</b>	<b>93%</b>	<b>123.641.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>123.641.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	123.641.000.000	123.641.000.000
- Số vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Số vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	123.641.000.000	123.641.000.000
Cổ tức đã chia	-	7.418.460.000

17.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2022 Cổ phiếu	Tại 01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.364.100	12.364.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và góp vốn đầy đủ	12.364.100	12.364.100
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.364.100	12.364.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.364.100	12.364.100
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.364.100	12.364.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại 01/01/2021</b>	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	38.384.973.429	166.894.728.335
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.425.739.119	4.425.739.119
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	(660.000.000)	(660.000.000)
- Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
<b>Tại 31/12/2021</b>	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	41.750.712.548	170.260.467.454
<b>Tại 01/01/2022</b>	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	41.750.712.548	170.260.467.454
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.253.088.873	2.253.088.873
<b>Tại 30/06/2022</b>	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	44.003.801.421	172.513.556.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
<b>Ngoại tệ các loại</b>				
Đô la Mỹ (USD)	5.978.942	259,28	6.035.432	267,14

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>9.482.578.167</b>	<b>6.204.153.904</b>
- Doanh thu phòng nghỉ	4.347.229.355	2.298.108.298
- Doanh thu ăn uống	1.855.423.374	1.377.779.670
- Doanh thu dịch vụ khác	2.942.621.693	2.323.662.477
- Doanh thu phí phục vụ	337.303.745	204.603.459
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>18.244.800</b>	<b>457.800</b>
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	18.244.800	457.800

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn phòng nghỉ	5.272.339.435	5.547.809.051
Giá vốn ăn uống	2.338.840.893	2.068.640.815
Giá vốn dịch vụ khác	226.378.955	120.708.657
<b>Cộng</b>	<b>7.837.559.283</b>	<b>7.737.158.523</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.373.950.384	4.279.537.861
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	60.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	673.211	691.566
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại CLTG cuối kỳ	2.122.636	-
<b>Cộng</b>	<b>4.376.746.231</b>	<b>4.280.289.427</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.614.606.000	1.310.814.460
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	14.361.215	4.447.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.555.001	29.555.001
Thuế, phí và lệ phí	843.000.000	855.545.280
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	53.985.366	(107.909.695)
Phí phục vụ	337.303.745	204.603.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.501.822	116.081.060
Chi phí bằng tiền khác	124.191.071	116.634.267
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	<b>(107.909.695)</b>
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(107.909.695)
<b>Cộng</b>	<b>3.147.504.220</b>	<b>2.529.771.006</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu hoàn án phí	-	29.394.173
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	13.967.240	4.545.455
Thu nhập từ bồi thường	-	3.336.367
Thu nhập khác	66.743	162.318
<b>Cộng</b>	<b>14.033.983</b>	<b>37.438.313</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	49.892.181	49.892.181
Chi tài trợ dụng cụ học tập cho mái ấm tình thương	3.674.000	-
Phạt chậm nộp	-	23.531.359
<b>Cộng</b>	<b>53.566.181</b>	<b>73.423.540</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.833.737.919</b>	<b>179.439.293</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>69.507.311</b>	76.296.899
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	69.507.311	76.781.048
<i>Các khoản phạt chậm nộp tờ khai, chậm nộp thuế</i>	-	23.531.359
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	19.615.130	3.330.800
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý</i>	49.892.181	49.892.181
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng cuối kỳ này</i>	-	26.708
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	(484.149)
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ</i>	-	(484.149)
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ</b>	<b>2.903.245.230</b>	<b>255.736.192</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>580.649.046</b>	<b>51.147.238</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)</b>	<b>2.253.088.873</b>	<b>128.292.055</b>
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	(200.000.000)	(200.000.000)
- <i>Thù lao HĐQT và BKS (*)</i>	(200.000.000)	(200.000.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>2.053.088.873</b>	<b>(71.707.945)</b>
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(330.000.000)	(330.000.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.723.088.873</b>	<b>(401.707.945)</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.364.100	12.364.100
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>139</b>	<b>(32)</b>

(\*) Số trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 là giá trị tạm tính bằng 50% giá trị dự kiến được phân phối từ lợi nhuận năm 2022 căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 27/06/2022.

Công ty dự kiến họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 16/08/2022, nên số liệu này sẽ được trình bày lại (nếu có thay đổi) khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.079.257.675	951.323.770
Chi phí nhân công	5.117.523.000	4.837.542.000
Chi phí công cụ dụng cụ	101.951.413	288.325.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.396.928.669	1.412.236.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý	49.892.181	49.892.181
Thuế, phí và lệ phí	843.000.000	855.545.280
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	53.985.366	(107.909.695)
Phí phục vụ	337.303.745	204.603.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.080.641.395	873.604.218
Chi phí bằng tiền khác	974.472.240	951.658.284
<b>Cộng</b>	<b>11.034.955.684</b>	<b>10.316.821.710</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**  
41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giảm trừ doanh thu

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bộ phận

**Kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Các chi phí khác không phân bổ theo bộ phận

**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Tổng Tài sản**

**Tổng Nợ phải trả**

	Phòng nghỉ VND	Ăn uống VND	Dịch vụ khác VND	Phí phục vụ VND	Cộng VND
	4.347.229.355	1.855.423.374	2.942.621.693	337.303.745	9.482.578.167
	4.347.229.355	1.855.423.374	2.942.621.693	337.303.745	9.482.578.167
	(5.272.339.435)	(2.338.840.893)	(226.378.955)	-	(7.837.559.283)
	<b>(925.110.080)</b>	<b>(483.417.519)</b>	<b>2.716.242.738</b>	<b>337.303.745</b>	<b>1.645.018.884</b>
	-	-	-	(337.303.745)	(3.147.504.220)
	-	-	-	-	<b>(1.502.485.336)</b>
	-	-	-	-	4.376.746.231
	-	-	-	-	(990.778)
	-	-	-	-	14.033.983
	-	-	-	-	(53.566.181)
	-	-	-	-	(580.649.046)
	-	-	-	-	<b>2.253.088.873</b>
					<b>188.650.508.390</b>
					<b>16.136.952.063</b>

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giảm trừ doanh thu

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bộ phận

**Kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tổng Tài sản

Tổng Nợ phải trả

	Phòng nghỉ VND	Ăn uống VND	Dịch vụ khác VND	Phí phục vụ VND	Cộng VND
	2.298.108.298	1.377.779.670	2.323.662.477	204.603.459	6.204.153.904
	2.298.108.298	1.377.779.670	2.323.662.477	204.603.459	6.204.153.904
	(5.547.809.051)	(2.068.640.815)	(120.708.657)	-	(7.737.158.523)
	<b>(3.249.700.753)</b>	<b>(690.861.145)</b>	<b>2.202.953.820</b>	<b>204.603.459</b>	<b>(1.533.004.619)</b>
	-	-	-	(204.603.459)	(2.529.771.006)
	-	-	-	-	<b>(4.062.775.625)</b>
	-	-	-	-	4.280.289.427
	-	-	-	-	(2.089.282)
	-	-	-	-	37.438.313
	-	-	-	-	(73.423.540)
	-	-	-	-	(51.147.238)
	-	-	-	-	<b>128.292.055</b>
					<b>179.909.271.332</b>
					<b>12.886.250.942</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan

**Phải thu khách hàng**

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV

Giao dịch với các bên liên quan

**Doanh thu với bên liên quan**

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV

**Mua hàng, dịch vụ từ bên liên quan**

- CN1 - Công ty TNHH Truyền Hình cáp

Saigontourist

- Công ty Cổ phần Bông Sen

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

**Tổng thu nhập của Ban Giám đốc**

- Bà Nguyễn Thị Xuân Đào - Giám đốc

- Bà Phan Ngọc Bích - Phó Giám đốc

**Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát**

**Chủ tịch HĐQT**

- Ông Phạm Thanh Bình

**Thành viên HĐQT**

- Ông Chung Hán Lương

- Ông Trương Tấn Sơn

- Ông Nguyễn Đường Giang

- Bà Tạ Thị Tuyết Mai

- Bà Phan Ngọc Bích

**Trưởng Ban Kiểm soát**

- Ông Trần Doãn Định

- Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan

**Thành viên Ban Kiểm soát**

- Bà Trương Nguyễn Khang Vy

- Bà Huỳnh Thị Kim Loan

**Cộng**

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	-	500.000
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	500.000
<u><b>Doanh thu với bên liên quan</b></u>	<u>18.244.800</u>	<u>457.800</u>
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	18.244.800	457.800
<u><b>Mua hàng, dịch vụ từ bên liên quan</b></u>	<u>78.501.754</u>	<u>50.757.555</u>
- CN1 - Công ty TNHH Truyền Hình cáp Saigontourist	77.616.044	50.407.800
- Công ty Cổ phần Bông Sen	885.710	349.755
<u><b>Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc</b></u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
	VND	VND
<b>Tổng thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>667.040.996</b>	<b>572.656.204</b>
- Bà Nguyễn Thị Xuân Đào - Giám đốc	443.266.327	374.544.822
- Bà Phan Ngọc Bích - Phó Giám đốc	223.774.669	198.111.382
<b>Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát</b>	<b>158.000.000</b>	<b>168.000.000</b>
<b>Chủ tịch HĐQT</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
- Ông Phạm Thanh Bình	30.000.000	30.000.000
<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>96.000.000</b>	<b>96.000.000</b>
- Ông Chung Hán Lương	24.000.000	24.000.000
- Ông Trương Tấn Sơn	-	20.000.000
- Ông Nguyễn Đường Giang	24.000.000	4.000.000
- Bà Tạ Thị Tuyết Mai	24.000.000	24.000.000
- Bà Phan Ngọc Bích	24.000.000	24.000.000
<b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>	<b>18.000.000</b>	<b>18.000.000</b>
- Ông Trần Doãn Định	-	18.000.000
- Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	18.000.000	-
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>	<b>14.000.000</b>	<b>24.000.000</b>
- Bà Trương Nguyễn Khang Vy	12.000.000	12.000.000
- Bà Huỳnh Thị Kim Loan	2.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>825.040.996</b>	<b>740.656.204</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997. Theo Quyết định 6790/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn được phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại (từ ngày 27/12/2016 đến hết ngày 14/01/2047). Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục để chuyển sang trả tiền thuê đất một lần.

**30.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**30.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**30.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét.



Nguyễn Thị Xuân Đào  
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hòa  
Kế toán trưởng

Dương Bồi Minh  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022